

Số: /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định các nội dung sau:

a) Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

b) Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long ở cấp tỉnh và cấp xã gồm:

a) Tổ chức chính trị.

b) Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

đ) Các đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản này sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 2. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ

1. Đối với tổ chức chính trị: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi xin ý kiến của cấp thẩm quyền (theo quy định quản lý hoặc quy chế làm việc của cấp ủy cùng cấp).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách cấp tỉnh gồm các trường hợp sau (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự kiến kinh phí thực hiện từ 05 tỷ đồng trở lên/nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị mà trong đó có tài sản có giá trị dự kiến mua sắm từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gồm các trường hợp sau (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều này):

a) Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự kiến kinh phí thực hiện từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng/ nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị mà trong đó có tài sản có giá trị dự kiến mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh (không là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách cấp xã gồm các trường hợp sau (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự kiến kinh phí thực hiện từ 02 tỷ đồng trở lên/nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị mà trong đó có tài sản có giá trị dự kiến mua sắm từ 800 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

7. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng dự kiến kinh phí thực hiện từ 200 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 6 Điều này).

8. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I cấp xã đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa

chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 6 Điều này).

9. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã (không là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 200 triệu đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 6 Điều này).

Điều 3. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

1. Đối với tổ chức chính trị: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có dự kiến chi phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/ nhiệm vụ sau khi xin ý kiến của cấp thẩm quyền (theo quy định quản lý hoặc quy chế làm việc của cấp ủy cùng cấp).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ ngân sách cấp tỉnh có dự kiến chi phí thực hiện từ 05 tỷ đồng đến không quá 20 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có dự kiến chi phí thực hiện từ 02 tỷ đồng đến không quá 05 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình có dự kiến chi phí thực hiện dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh (không là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình có dự kiến chi phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ ngân sách cấp xã có dự kiến chi phí thực hiện từ 02 tỷ đồng đến không quá 20 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

7. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã (là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có dự kiến chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

8. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I cấp xã đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình có dự kiến chi phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

9. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách cấp xã (không là đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình có dự kiến chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng/ nhiệm vụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 4. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách cấp tỉnh có dự kiến chi phí từ 05 tỷ đồng trở lên/hoạt động.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (là đơn vị dự toán cấp I) được giao thực hiện hoạt động quy hoạch quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch có dự kiến chi phí dưới 05 tỷ đồng/ hoạt động.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự kiến chi phí cho hoạt động quy hoạch đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định Quyết định này. Trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Là cơ quan tiếp nhận, tổng hợp và thẩm tra đối với các hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện phê duyệt theo đúng thẩm quyền được giao theo quy định tại Quyết định này và theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ và các nội dung khác được quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIX; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIX;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- TT. ĐU, TT. HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Các Phòng, Ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT ĐH (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VT, KTTH, HNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính